

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 08 - 01 - 2025

*V/v ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Bà Trần Thị Phương Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Tào Diệu Như, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 204/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Cẩm T**, sinh ngày 01/01/1995. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở hiện nay: Ấp S, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Đặng Long H**, sinh ngày 01/01/1996. Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Cẩm T và bị đơn anh Đặng Long H thống nhất xác định: Chị T và anh H tự nguyện chung sống với nhau và có tổ chức lễ cưới theo tập quán địa phương vào năm 2013. Ngày 04/01/2017, chị T và anh H đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2017. Chị T và anh H chung sống có 02 người con chung là cháu Đặng Đình H1, sinh ngày 15/11/2013 và cháu Đặng Đình C, sinh ngày 22/8/2016; hiện nay cháu H1 và cháu C đang sống chung với chị T. Quá trình chung sống, chị T và anh H không có vay, mượn tiền, tài sản của bất kỳ cá nhân, cơ quan, tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng nào nên không có nợ chung.

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 8 năm 2024 và Biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 10 năm 2024, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Cẩm T trình bày: Quá trình chung sống, chị T và anh H không có tài sản chung. Từ cuối năm 2022, do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống khác nhau, phát sinh mâu thuẫn, cự cãi nhau về vấn đề tiền bạc, anh H không quan tâm chăm sóc gia đình, con cái; giữa chị T và anh H không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị T và anh H đã tự chấm dứt quan hệ sống chung và sống ly thân với nhau từ đầu tháng 5 năm 2024 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị T và anh H không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh H; yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H1, sinh ngày 15/11/2013 và cháu C, sinh ngày 22/8/2016; không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị T không có yêu cầu gì khác và cũng không trình bày gì thêm.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 11 năm 2024, bị đơn anh Đặng Long H trình bày: Đầu năm 2024, do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống khác nhau, phát sinh mâu thuẫn, cự cãi nhau về vấn đề tình cảm và tiền bạc; giữa anh H và chị T không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên anh H và chị T đã tự chấm dứt quan hệ sống chung và sống ly thân với nhau từ khoảng tháng 5 năm 2024 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh H và chị T không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh H đồng ý ly hôn, không yêu cầu được đoàn tụ. Anh H đồng ý giao cháu H1, sinh ngày 15/11/2013 và cháu C, sinh ngày 22/8/2016 cho chị T nuôi dưỡng và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng trong khả năng của anh H có nhiều sẽ cho con nhiều, có ít sẽ cho con ít. Về tài sản chung, anh H xác định trong thời gian chung sống anh H và chị T có các tài sản chung gồm 01 chiếc xe Future 94C1-139.75 (mua năm 2022) hiện do chị T đang quản lý, sử dụng và 01 chiếc xe Vison 94K1-670.36 (mua năm 2018) hiện do anh H đang quản lý, sử dụng; cả hai chiếc xe này đều do chị T đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe. Khi ly hôn, anh H sẽ tự thỏa thuận về tài sản chung với chị T, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, anh H và chị T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh H không có yêu cầu gì khác và cũng không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Về hôn nhân, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh H. Về con chung, giao cháu H1 và cháu C cho chị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung, chị T và anh H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí, các đương sự phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị T yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh H và hiện nay anh H cư trú tại ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Anh H đã được triệu tập hợp lệ để hòa giải nhưng vắng mặt không rõ lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đã triệu tập anh H đến Tòa án để xét xử hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh H vẫn vắng mặt không rõ lý do và chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị T và anh H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2017 ngày 04/01/2017 nên hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

[2.2] Về hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh H và anh H cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T, không yêu cầu đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị T và anh H và sự tự nguyện thỏa thuận này không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận sự thuận tình ly hôn của chị T và anh H theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình và khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày

16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về con chung: Chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là cháu H1, sinh ngày 15/11/2013 và cháu C, sinh ngày 22/8/2016. Anh H đồng ý giao cháu H1 và cháu C cho chị T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tại các Biên bản ghi nhận ý kiến cùng ngày 25/10/2024, cháu H1 và cháu C cùng có nguyện vọng được sống với chị T. Xét thấy, việc chị T và anh H thống nhất giao cháu H1 và cháu C cho chị T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của cháu H1, cháu C và đảm bảo duy trì cuộc sống ổn định của cháu H1 và cháu C. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu H1 và cháu C cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị T đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H1 và cháu C nên được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H1 và cháu C.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Chị T xác định chị T và anh H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H xác định anh H và chị T có các tài sản chung gồm 01 chiếc xe Future 94C1-139.75 (mua năm 2022) hiện do chị T đang quản lý, sử dụng và 01 chiếc xe Vison 94K1-670.36 (mua năm 2018) hiện do anh H đang quản lý, sử dụng; cả hai xe này đều do chị T đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe, tuy nhiên, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung mà xác định sẽ tự thỏa thuận với chị T; xét đây là sự tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Trường hợp anh H và chị T có tranh chấp về tài sản chung thì có quyền khởi kiện, yêu cầu giải quyết trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về nợ chung: Chị T và anh H thống nhất xác định không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.6] Về án phí: Do trước khi mở phiên tòa, chị T và anh H đã tự nguyện ly hôn, nên chị T và anh H mỗi người phải chịu 25% án phí dân sự không có giá ngạch theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Do vậy, chị T và anh H, mỗi người phải nộp 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. Chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004269 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh

Bạc Liêu nên được chuyển thu án phí 75.000 đồng và được hoàn lại số tiền chênh lệch 225.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và tiêu mục 1.1 Phần II Mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016); khoản 1 Điều 3 và Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Cẩm T và anh Đặng Long H.

2. Về con chung:

2.1 Giao cháu Đặng Đình H1, sinh ngày 15/11/2013 và cháu Đặng Đình C, sinh ngày 22/8/2016 cho chị Huỳnh Thị Cẩm T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

2.2. Chị Huỳnh Thị Cẩm T đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đặng Đình H1, sinh ngày 15/11/2013 và cháu Đặng Đình C, sinh ngày 22/8/2016 nên được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đặng Đình H1, sinh ngày 15/11/2013 và cháu Đặng Đình C, sinh ngày 22/8/2016.

2.3. Anh Đặng Long H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

2.4. Về cấp dưỡng, chị Huỳnh Thị Cẩm T không yêu cầu anh Đặng Long H cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Thị Cẩm T và anh Đặng Long H thống nhất không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, chị Huỳnh Thị Cẩm T và anh Đặng Long H, mỗi người phải nộp 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình. Chị Huỳnh Thị Cẩm T đã nộp tạm ứng

án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004269 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí nên được chuyển thu án phí 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) và được hoàn lại số tiền chênh lệch 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

5. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- THADS huyện Vĩnh Lợi;
- UBND xã Châu Hưng
huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Mỹ Xuyên